

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan T Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Tuấn T, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Hồ Huỳnh G, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Tuấn T trình bày:*

Anh và chị Hồ Huỳnh G tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 07/7/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung. Nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị G quen với người đàn ông khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn chị Hồ Huỳnh G.

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung tên Bùi Bảo N, sinh ngày 16/8/2018 (hiện đang sống với chị G). Sau khi ly hôn anh đồng ý G con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

** Về phía bị đơn chị Hồ Huỳnh G:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng chị G không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị G.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Tuấn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn T được ly hôn chị Hồ Huỳnh G.

- Về con chung: G con chung tên Bùi Bảo N, sinh ngày 16/8/2018 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Hồ Huỳnh G có địa chỉ tại ấp VT, xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Hồ Huỳnh G đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hồ Huỳnh G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn T và chị Hồ Huỳnh G tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 07/7/2020. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Bùi Tuấn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị G sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 01 con chung. Nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị G quen với người đàn ông khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Về phía chị G, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị G, tạo điều kiện cho chị G hàn gắn tình cảm với anh T nhưng chị G không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh T, cho thấy chị G không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Tuấn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Bùi Bảo N, sinh ngày 16/8/2018, hiện đang sống với chị G. Sau khi ly hôn anh T đồng ý G con chung

cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục G cháu N cho chị G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị G phải tạo điều kiện cho anh T đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh T. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Bùi Tuấn T yêu cầu giải quyết ly hôn và cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Tuấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Tuấn T được ly hôn chị Hồ Huỳnh G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã VT1, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

G con chung tên Bùi Bảo N, sinh ngày 16/8/2018 cho chị Hồ Huỳnh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Bùi Tuấn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Bùi Tuấn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Hồ Huỳnh G phải tạo điều kiện cho anh Bùi Tuấn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Bùi Tuấn T và chị Hồ Huỳnh G không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Bùi Tuấn T và chị Hồ Huỳnh G vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Bùi Tuấn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009327 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang. Anh Bùi Tuấn T còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã VT1, huyện TS,
tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm